

Phụ lục 14. Mẫu báo cáo tài sản của Quỹ

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ)

BÁO CÁO TÀI SẢN

CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 07 năm 2011

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo : 04/08/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỲ BÁO CÁO Tháng 07/2011	KỲ BÁO CÁO Tháng 06/2011	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
1	Tiền	261,398,941,599	267,600,273,415	(6,201,331,816)
2	Các khoản đầu tư	1,307,060,422,902	1,382,173,683,816	(75,113,260,914)
2.1	Trái phiếu	25,041,095,890	25,041,095,890	
2.2	Cổ phiếu	1,282,149,287,012	1,355,897,967,926	(73,748,680,914)
2.2.1	CP niêm yết	1,092,042,465,300	1,166,564,870,600	(74,522,405,300)
2.2.2	CP chưa niêm yết	190,106,821,712	189,333,097,326	773,724,386
2.2	Quyền mua	(129,960,000)	1,234,620,000	(1,364,580,000)
3	Cổ tức được nhận	4,138,619,600	3,163,080,000	975,539,600
4	Lãi được nhận	3,080,256,635	2,261,065,643	819,190,992
4.1	Lãi trái phiếu			
4.2	Lãi TGNH	3,080,256,635	2,261,065,643	819,190,992
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	3,506,400	457,506,400	(454,000,000)
6	Các khoản phải thu khác			
7	Đầu tư khác			
	TỔNG TÀI SẢN	1,575,681,747,136	1,655,655,609,274	(79,973,862,138)
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	1,201,504,102	3,362,559,058	(2,161,054,956)
8.1	Phải trả GDCK niêm yết	1,151,355,000	3,059,168,000	(1,907,813,000)
8.2	Phí môi giới GDCK	50,149,102.00	303,391,058.00	(253,241,956)
9	Các khoản phải trả khác	3,842,457,757	3,867,243,222	(24,785,465)
9.1	Phí quản lý quỹ	2,622,212,639	2,752,084,670	(129,872,031)
9.2	Phí lưu ký, giám sát	107,510,719	112,835,472	(5,324,753)
9.3	Thu lao BDD	72,833,331	68,999,998	3,833,333
9.4	Phí kiểm toán	168,918,750	144,787,500	24,131,250
9.5	Phải trả khác	870,982,318	788,535,582	82,446,736
10	Thuế & Cổ tức phải trả nhà đầu tư VF1	39,925,000	39,925,000	
	TỔNG NỢ	5,083,886,859	7,269,727,280	(2,185,840,421)
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
11	Tài sản ròng của Quỹ	1,570,597,860,277	1,648,385,881,994	(77,788,021,717)
12	Tỷ lệ tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0.32%	0.44%	-0.12%
13	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000	100,000,000
14	Giá trị tài sản ròng NAV của một đơn vị quỹ	15,706	16,484	(778)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Trịnh Hồng Hạnh

Người lập biểu

[Signature]

N.T.TUỆ MINH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

[Signature]

NGUYỄN M. ĐĂNG KHÁNH



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục 15. Mẫu báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ
(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 07 năm 2011

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
4 Ngày lập báo cáo : 04/08/2011

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 07/2011	KỲ TRƯỚC Tháng 06/2011
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	1,648,385,881,994	1,621,864,245,504
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(77,788,021,717)	26,521,636,490
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(77,788,021,717)	26,521,636,490
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ		
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	1,570,597,860,277	1,648,385,881,994
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	15,706	16,484

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu


N.T.TUỆ MINH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính


NGUYỄN M. ĐĂNG KHÁNH

Tổng Giám đốc


TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Hồng Hạnh

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 07 năm 2011

1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)

3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1

4 Ngày lập báo cáo : 04/08/2011

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm báo cáo (năm 2011)		Năm trước năm báo cáo	
		Số phát sinh kỳ báo cáo Tháng 07/2011	Lũy kế từ đầu năm 2011 đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
A XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN					
I Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		2,039,648,317	106,282,780,336	8,593,415,493	149,205,006,578
1 Cổ tức được nhận		2,304,599,600	40,593,149,800	462,808,200	31,534,541,900
2 Lãi trái phiếu được nhận				1,191,173,000	8,146,026,000
3 Lãi tiền gửi		3,755,559,994	11,607,759,311	1,745,798,842	9,596,670,880
4 Thu nhập bán chứng khoán		(4,020,511,277)	54,052,686,407	5,190,836,708	99,924,635,522
5 Thu nhập khác			29,184,818	2,798,743	3,132,276
II Chi phí		3,134,499,811	24,948,789,797	4,497,013,644	33,106,023,131
1 Phí quản lý quỹ	3.11(i)	2,622,212,639	21,144,978,572	4,019,881,707	29,168,053,238
2 Thường hoạt động					-
3 Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ	3.11(ii)	107,510,719	866,944,124	160,795,268	1,166,722,129
4 Chi phí hội họp, đại hội		121,067,926	662,903,042	111,885,314	665,648,090
5 Chi phí kiểm toán		24,131,250	194,725,163	20,311,500	148,354,800
6 Phí và chi phí khác		259,577,277	2,079,238,896	184,139,855	1,957,244,874
Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ		(1,094,851,494)	81,333,990,539	4,096,401,849	116,098,983,447
B XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN					
I Thu nhập		15,301,158,037	24,082,927,278	27,807,678,771	410,306,964,655
1 Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		16,665,738,037	25,416,387,278	19,715,865,771	458,306,151,655
2 Ghi nhận quyền phát hành thêm cp		(1,364,580,000)	(1,333,460,000)	8,091,813,000	(47,999,187,000)
II Chi phí		91,994,328,260	661,086,847,263	64,536,646,214	448,528,155,220
1 Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		91,994,328,260	661,086,847,263	64,536,646,214	448,528,155,220
2 Phí thường hoạt động chưa thực hiện					-
III Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ		(76,693,170,223)	(637,003,919,985)	(36,728,967,443)	(38,221,190,565)
TỔNG LỢI NHUẬN RÒNG TRONG NĂM		(77,788,021,717)	(555,669,929,446)	(32,632,565,594)	77,877,792,882

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Trịnh Hồng Hạnh

Người lập biểu

N.T.TUỆ MINH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

NGUYỄN M. ĐĂNG KHÁNH



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC